

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG JLPT N3)
(Đợt 01 năm 2025, 22/03/2025)

(Ban hành theo Quyết định số 1144/MYH25/VHU/QĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Hán tự	Ngữ pháp	Tổng			
1	VHU.TNB4.01.001	191A160026	Võ Phạm Huỳnh	Anh	21/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
2	VHU.TNB4.01.002	191A150143	Trịnh Nguyễn Hồng	Cầm	10/10/2001	Đồng Tháp	6.5	6	8.5	6.4	27.4	6.9	Đậu	
3	VHU.TNB4.01.003	191A160075	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	28/07/2001	Ninh Thuận	4.5	8	8.8	6	27.3	6.8	Đậu	
4	VHU.TNB4.01.004	171A160091	Tạ Thành	Đạt	18/07/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	5	5.5	7.3	5.2	23.0	5.8	Đậu	
5	VHU.TNB4.01.005	161A150157	Lê Ngọc	Đông	28/12/1998	Hà Nội	7	8	8.3	7.2	30.5	7.6	Đậu	
6	VHU.TNB4.01.006	201A160054	Đỗ Thị Quỳnh	Giang	22/03/2000	Đồng Nai	7.5	4	5	5.2	21.7	5.4	Đậu	
7	VHU.TNB4.01.007	201A160177	Nguyễn Thị Mỹ	Hoà	24/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	3	8	8.5	4.8	24.3	6.1	Đậu	
8	VHU.TNB4.01.008	201A160115	Đỗ Lê Quốc	Khải	26/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	3.5	4.5	5.8	4.4	18.2	4.6	Rớt	
9	VHU.TNB4.01.009	191A160104	Nguyễn Như	Linh	03/01/2001	Bình Thuận	4.5	8	9.3	4.8	26.6	6.7	Đậu	
10	VHU.TNB4.01.010	191A150080	Tổng Thị Mai Ngọc	Loan	25/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	4.5	5.5	0	3.2	13.2	3.3	Rớt	Bảo lưu Đọc: 5.5
11	VHU.TNB4.01.011	181A150244	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	01/01/2000	Bến Tre	2.5	6.5	6.3	3.6	18.9	4.7	Rớt	
12	VHU.TNB4.01.012	201A160028	Võ Phạm Phương	Ngân	11/11/2002	Bình Thuận	2.5	4.5	4.5	2.4	13.9	3.5	Rớt	
13	VHU.TNB4.01.013	191A160129	Phạm Cao Dương	Nhi	13/05/2001	Bình Dương	7	5	6.3	5.2	23.5	5.9	Đậu	
14	VHU.TNB4.01.014	191A160050	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	15/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	5	8	4.8	25.3	6.3	Đậu	Bảo lưu Đọc: 5.0; Hán tự: 8.0
15	VHU.TNB4.01.015	161A150139	Tổng Đặng Yến	Như	20/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	5	5	9	6.8	25.8	6.5	Đậu	Bảo lưu Đọc: 5.0; Hán tự: 9.0

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Hán tự	Ngữ pháp	Tổng			
16	VHU.TNB4.01.016	161A150012	Đoàn Gia	Phúc	23/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	3	5.5	7	3.6	19.1	4.8	Rớt	
17	VHU.TNB4.01.017	201A160039	Nguyễn Thị Ngọc	Phụng	03/12/2002	Tiền Giang	3.5	7.5	8.8	4.4	24.2	6.1	Đậu	
18	VHU.TNB4.01.018	201A160036	Mai Thị Như	Quỳnh	03/12/2002	Tiền Giang	3.5	8.5	8.5	4	24.5	6.1	Đậu	
19	VHU.TNB4.01.019	181A160137	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	16/09/1999	Đắk Lắk	5	5.5	8.3	4.4	23.2	5.8	Đậu	
20	VHU.TNB4.01.020	181A160151	Văn Đức	Tiến	21/08/2000	Phú Yên	5	5	8.5	4.8	23.3	5.8	Đậu	
21	VHU.TNB4.01.021	201A160105	Nguyễn Trần Diễm	Tú	22/06/2002	Bình Thuận	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
22	VHU.TNB4.01.022	181A160078	Huỳnh Thị Như	Thảo	01/07/2000	Bến Tre	4.5	4	6	3.6	18.1	4.5	Rớt	
23	VHU.TNB4.01.023	151A150816	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	6.5	3	2	0.4	11.9	3.0	Rớt	
24	VHU.TNB4.01.024	201A160163	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	28/12/2002	Tiền Giang	3	7	8.8	6.4	25.2	6.3	Đậu	
25	VHU.TNB4.01.025	191A160155	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	3.5	7	8	4.4	22.9	5.7	Đậu	
26	VHU.TNB4.01.026	201A160029	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	6	8.3	5.2	25.0	6.3	Đậu	
27	VHU.TNB4.01.027	151A150835	Nguyễn Lữ Lệ	Thắm	03/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	3.5	5.5	5.3	2.8	17.1	4.3	Rớt	
28	VHU.TNB4.01.028	191A160092	Nguyễn Thị Diễm	Thùy	07/04/2001	Khánh Hoà	4	5	6.3	4.4	19.7	4.9	Rớt	Bảo lưu Hán tự: 6.3
29	VHU.TNB4.01.029	191A160018	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	17/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5	5.5	6	3.6	20.1	5.0	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.0; Hán tự: 6.0
30	VHU.TNB4.01.030	191A150065	Trần Hoàng Mộng	Vân	08/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	2.5	2.5	4.3	3.2	12.5	3.1	Rớt	
31	VHU.TNB4.01.031	181A150274	Võ Thị Thanh	Vân	11/08/2000	Bình Thuận	5.5	5.5	7.8	6	24.8	6.2	Đậu	
32	VHU.TNB4.01.032	211A160103	Lê Quang	Vinh	08/01/1996	An Giang	7	10	8.8	6.4	32.2	8.1	Đậu	
33	VHU.TNB4.01.033	181A160127	Phạm Ngọc Lan	Vy	31/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7	6.5	8.5	6	28.0	7.0	Đậu	
34	VHU.TNB4.01.034	191A080234	Võ Thị Như	Ý	12/10/2000	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Hán tự	Ngữ pháp	Tổng			
35	VHU.TNB4.01.035	181A160036	Quách	Ngọc Yến	01/08/1999	Bạc Liêu	4	6	6.3	3.2	19.5	4.9	Rớt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 35
Số thí sinh dự kiểm tra: 32
Số thí sinh vắng kiểm tra: 03
Số thí sinh đậu: 21
Số thí sinh rớt: 11

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức